

Bản án số: **33/2025/DS-ST**

Ngày 28-4-2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Thúc

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ ,TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **250/2024/TLST- DS** ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2025/QĐST-DS ngày 28/3/2025 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: Lầu 8, số B N, phường H, quận C, TP Hồ Chí Minh.

*Người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023 và Giấy ủy quyền ngày 26/8/2024): Ông **Đặng Văn D**, chức vụ: Chuyên viên (có mặt)*

Địa chỉ: Ngân hàng TMCP S chi nhánh S1 – Phòng G, số D đường P, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng.

-Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số B P, tổ A, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện; các bản tự khai; các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP S ông Đặng Văn D trình bày:

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, bà Nguyễn Thị T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ

tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng và sau đó được sự đồng ý của Ngân hàng theo nguyện vọng của bà T thì hạn mức thẻ được nâng lên là 164.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 2.226.122.076 đồng. Lãi suất áp dụng 2,6%/ tháng, kể từ ngày 01/11/2022 lãi suất 2,77%/ tháng (lãi suất trong hạn) và được S2 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N2 về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: **2.089.455.765** đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 02 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều **23** của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày **28/4/2025**, Bà **Nguyễn Thị T** còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Khoản 1: Đối với thẻ tín dụng số 436438 – 2615

Đến ngày 05/04/2024 Bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 2.115.122.076 đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 2.002.245.765 đồng. Trong đó: phí trễ hạn: 1.163.549 đồng, phí 4.006.000 đồng, lãi phát sinh 21.621.120 đồng và thanh toán gốc 1.975.455.096 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Đến ngày 06/4/2024, Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Tính đến ngày 28/4/2025, Bà T còn nợ ngân hàng

- Dư nợ gốc : 141.907.920 đồng
- Lãi quá hạn : 66.224.924 đồng (Bằng 150% lãi suất trong hạn)
- Tổng cộng : 208.132.844 đồng

Lãi suất trong hạn: 2,48%/tháng

Lãi suất quá hạn: 3,72%/tháng (2,480%x150%)

Khoản 2: Đối với thẻ TD nội địa - VTD SacombankPay 211251 – 5826

Đến ngày 25/03/2024 Bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 7.000.000 đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 6.020.000 đồng. Trong đó: phí 320.000 đồng, lãi phát sinh 420.000 đồng và thanh toán gốc 5.280.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Đến ngày 25/4/2024 Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Tính đến ngày 28/4/2025, Bà T còn nợ ngân hàng:

Dư nợ gốc: 1.825.000 đồng

Lãi quá hạn: 910.119 đồng

Tổng cộng: 2.735.119 đồng

Lãi suất trong hạn: 2,5%/tháng

Lãi suất quá hạn: 3,75%/tháng (2,5% x 150%)

Khoản 3: Đối với thẻ TD nội địa - VTD SacombankPay 211251 - 4928

Đến ngày 25/03/2024 Bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 35.000.000 đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 22.575.000 đồng. Trong đó: phí 903.000 đồng, lãi phát sinh 1.575.000 đồng và thanh toán gốc 20.097.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Đến ngày 25/4/2024 Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Tính đến ngày 28/4/2025, Bà T còn nợ ngân hàng:

Dư nợ gốc: 15.953.000 đồng

Lãi quá hạn: 7.965.459 đồng

Tổng cộng: 23.909.459 đồng

Lãi suất trong hạn: 2,5%/tháng

Lãi suất quá hạn: 3,75%/tháng (2,5% x 150%)

Khoản 4: Đối với thẻ TD nội địa - VTD SacombankPay 211251 - 4087

Đến ngày 25/03/2024 Bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 69.000.000 đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 58.615.000 đồng. Trong đó: phí 903.000 đồng, lãi phát sinh 3.345.000 đồng và thanh toán gốc 54.367.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Đến ngày 25/4/2024 Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 28/4/2025, Bà T còn nợ ngân hàng:

Dư nợ gốc: 15.953.000 đồng

Lãi quá hạn: 7.956.459 đồng

Tổng cộng: 23.909.459 đồng

Lãi suất trong hạn: 2,5%/tháng

Lãi suất quá hạn: 3,75%/tháng (2,5% x 150%)

Sau thời gian sử dụng thẻ, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các Điều khoản và Điều kiện đã qui định tại Hợp đồng nên Ngân hàng đã khởi kiện bà T ra Tòa án để yêu cầu bà T thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay theo quy định.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền: **206.136.707đ** (Hai trăm lẻ sáu triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, bảy trăm lẻ bảy đồng) trong đó tiền nợ gốc là **178.090.465đ**, tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 05/8/2024 là **28.046.242đ** và đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/8/2024 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Tính đến thời điểm ngày 28/4/2025 thì bà T còn nợ ngân hàng các khoản sau:

- Dư nợ gốc: **175.638.920** đồng
- Lãi quá hạn: **83.047.961** đồng
- Tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/4/2025 là: **258.686.881** đồng.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cũng như đảm bảo việc thu hồi vốn phục vụ hoạt động kinh doanh, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 28/4/2025 là **258.686.881** đồng, trong đó:

- Dư nợ gốc: **175.638.920** đồng
- Lãi quá hạn: **83.047.961** đồng

Và buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 29/4/2025 cho đến khi trả hết khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

**Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa để bà T trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia tố tụng tại tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay bà T vẫn vắng mặt và không cung cấp lời khai cho Tòa án.*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn bà Nguyễn Thị T.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 BLTTDS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T

Về nội dung: Căn cứ quy định tại Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc, nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 28/4/2025 tổng cộng là 258.686.881 đồng, trong đó: nợ gốc 175.638.920 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/4/2025 là 83.047.961 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Thị T và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của Ngân hàng là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng số tiền: **206.136.707đ** (Hai trăm lẻ sáu triệu, một trăm ba mươi sáu ngàn, bảy trăm lẻ bảy đồng) trong đó tiền nợ gốc là **178.090.465đ**, tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 05/8/2024 là **28.046.242đ** và đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà T phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 06/8/2024 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc, nợ lãi mà Ngân hàng TMCP S yêu cầu bà Nguyễn Thị T phải thanh toán tính đến ngày xét xử 28/4/2025 được điều chỉnh có tăng thêm, cụ thể: nợ gốc 175.638.920 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/4/2025 là 83.047.961 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán tính đến ngày xét xử 28/4/2025 là: 258.686.881 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn, tám trăm tám mươi một đồng)

HĐXX xét thấy:

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị T để triệu tập đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà T vẫn không đến Tòa án theo triệu tập do vậy bà T không có lời khai cung cấp cho Tòa án được.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vào ngày 11/01/2021 Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S2) – Chi nhánh Đ có ký hợp đồng với bà Nguyễn Thị T theo hợp đồng thẻ tín dụng ký ngày 11/01/2021 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng và sau đó được sự đồng ý của Ngân hàng theo nguyện vọng của bà T thì hạn mức thẻ được nâng lên là 164.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, Bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 2.226.122.076 đồng. Lãi suất áp dụng 2,6%/ tháng, kể từ ngày 01/11/2022 lãi suất 2,77%/ tháng (lãi suất trong hạn) và được S2 quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định của Ngân hàng N2 về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: **2.089.455.765** đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 02 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều **23** của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày **28/4/2025**, Bà **Nguyễn Thị T** còn nợ ngân hàng các khoản sau:

Khoản 1: Đối với thẻ tín dụng số 436438 – 2615 thì mức Lãi suất trong hạn: 2,48%/tháng; Lãi suất quá hạn: 3,72%/tháng (2,480%x150%)

Đến ngày 05/04/2024 Bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 2.115.122.076 đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 2.002.245.765 đồng. Trong đó: phí trễ hạn: 1.163.549 đồng, phí 4.006.000 đồng, lãi phát sinh 21.621.120 đồng và thanh toán gốc 1.975.455.096 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Đến ngày 06/4/2024, Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Tính đến ngày 28/4/2025, Bà T còn nợ ngân hàng

- Dư nợ gốc : 141.907.920 đồng
- Lãi quá hạn : 66.224.924 đồng (Bằng 150% lãi suất trong hạn)
- Tổng cộng : 208.132.844 đồng

Khoản 2: Đối với thẻ TD nội địa - VTD SacombankPay 211251 – 5826 thì Lãi suất trong hạn: 2,5%/tháng; Lãi suất quá hạn: 3,75%/tháng (2,5% x 150%).

Đến ngày 25/03/2024 Bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 7.000.000 đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 6.020.000 đồng. Trong đó: phí 320.000 đồng, lãi phát sinh 420.000 đồng và thanh toán gốc 5.280.000 đồng (Thứ

tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Đến ngày 25/4/2024 Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Tính đến ngày 28/4/2025, Bà T còn nợ ngân hàng:

Dư nợ gốc: 1.825.000 đồng

Lãi quá hạn: 910.119 đồng

Tổng cộng: 2.735.119 đồng

Khoản 3: Đối với thẻ TD nội địa - VTD SacombankPay 211251 - 4928 thì Lãi suất trong hạn: 2,5%/tháng; Lãi suất quá hạn: 3,75%/tháng (2,5% x 150%).

Đến ngày 25/03/2024 Bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 35.000.000 đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 22.575.000 đồng. Trong đó: phí 903.000 đồng, lãi phát sinh 1.575.000 đồng và thanh toán gốc 20.097.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Đến ngày 25/4/2024 Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Tính đến ngày 28/4/2025, Bà T còn nợ ngân hàng:

Dư nợ gốc: 15.953.000 đồng

Lãi quá hạn: 7.965.459 đồng

Tổng cộng: 23.909.459 đồng

Khoản 4: Đối với thẻ TD nội địa - VTD SacombankPay 211251 - 4087 thì Lãi suất trong hạn: 2,5%/tháng; Lãi suất quá hạn: 3,75%/tháng (2,5% x 150%).

Đến ngày 25/03/2024 Bà T đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 69.000.000 đồng. Bà T đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 58.615.000 đồng. Trong đó:

phí 903.000 đồng, lãi phát sinh 3.345.000 đồng và thanh toán gốc 54.367.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Đến ngày 25/4/2024 Bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của Bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của N hang

Tính đến ngày 28/4/2025, Bà T còn nợ ngân hàng:

Dư nợ gốc: 15.953.000 đồng

Lãi quá hạn: 7.956.459 đồng

Tổng cộng: 23.909.459 đồng

Sau thời gian sử dụng thẻ, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà T, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do bà Nguyễn Thị T vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên việc Ngân hàng TMCP S chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và Ngân hàng khởi kiện để yêu cầu bà T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng tính đến thời điểm xét xử 28/4/2025 là phù hợp quy định tại Điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng xác định lại số tiền nợ gốc và lãi mà Ngân hàng TMCP S khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T phải thanh toán tính đến ngày xét xử 28/4/2025 được điều chỉnh có tăng thêm, cụ thể: nợ gốc là 175.638.920 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/4/2025 là 83.047.961 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng yêu cầu bà T phải thanh toán theo Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ký ngày 11/01/2021(bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) gồm thẻ tín dụng số 436438 – 2615; thẻ TD nội địa - VTD

SacombankPay 211251 – 5826; thẻ TD nội địa - VTD SacombankPay 211251 - 4928 và thẻ TD nội địa - VTD SacombankPay 211251 - 4087 tính đến ngày xét xử 28/4/2025 là: 258.686.881 đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn, tám trăm tám mươi một đồng)

[2.4] Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp. HĐXX thấy có đủ cơ sở để áp dụng Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 28/4/2025 là 258.686.881 đồng (trong đó nợ gốc là 175.638.920 đồng, tiền nợ lãi quá hạn tạm tính đến ngày xét xử 28/4/2025 là 83.047.961 đồng) là đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Kể từ ngày 29/4/2025, bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng được ký kết giữa bà Nguyễn Thị T với Ngân hàng TMCP S ngày 11/01/2021 cho đến khi bà T thanh toán xong khoản nợ gốc.

[2.5] Án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị T phải chịu là 12.934.344đ (Mười hai triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, ba trăm bốn mươi bốn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 5.153.418đ (Năm triệu, một trăm năm mươi ba ngàn, bốn trăm mười tám đồng) cho Ngân hàng TMCP S.

[2.6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị:

Căn cứ quy định tại Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 2 Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1 Điều 8 TT01/2019 ngày 11/01/2019: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc, nợ lãi được điều chỉnh tính đến ngày xét xử 28/4/2025 tổng cộng là 258.686.881 đồng, trong đó: nợ gốc 175.638.920 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/4/2025 là 83.047.961 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm bà T phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S .

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 357, 428, 429, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Điều 3 và khoản 2 điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 01/01/2019
- Điều 147, khoản 2 Điều 227, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Nguyễn Thị T về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử 28/4/2025 tổng cộng là **258.686.881** đồng (Hai trăm năm mươi tám triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn, tám trăm tám mươi một đồng). Trong đó nợ gốc là **175.638.920** đồng ; nợ lãi tính đến ngày xét xử 28/4/2025 là **83.047.961** đồng.

Kể từ ngày 29/4/2025, bà Nguyễn Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 11/01/2021 được ký kết giữa bà Nguyễn Thị T với Ngân hàng TMCP S cho đến khi bà T thanh toán xong khoản nợ gốc.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

-Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.934.344đ (Mười hai triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, ba trăm bốn mươi bốn đồng).

-Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 5.153.418đ (Năm triệu, một trăm năm mươi ba ngàn, bốn trăm mười tám đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0001936 ngày 16/10/2024 (Biên lai thu trực tuyến số 000002022040 ngày 16/10/2024) tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ.

III. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

IV. Ngân hàng TMCP S có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh N1

	HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	
Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh N1

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

Tôi xin cung cấp cho Tòa án một số nội dung sau:

Ngày 19/4/2017, ông Huỳnh Thanh Tú có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng được thể hiện bằng Giấy đề nghị cấp thẻ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án.

Theo thỏa thuận hợp đồng, ông Tú vay theo hình thức tín chấp; thời hạn vay là 36 tháng tính từ ngày 30/4/2017 đến ngày 30/4/2020; lãi suất thỏa thuận trong hạn là 2,1%/tháng; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Mặc dù thời hạn hợp đồng chưa hết nhưng do ông Tú vi phạm thỏa thuận về thanh toán được quy định tại Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng nên chúng tôi khởi kiện buộc ông Tú phải thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Số tiền ông Tú đã rút qua thẻ trong 4 lần, cụ thể:

Ngày 31/5/2017 rút số tiền 19.016.000đ

Ngày 31/7/2017 rút số tiền 500.000đ

Ngày 31/12/2017 rút số tiền 2.709.401đ

Ngày 31/01/2018 rút số tiền 357.800đ

Tổng cộng nợ gốc ông Tú đã vay thể hiện qua các lần rút tiền trong tài khoản là 22.633.201đ;

Quá trình vay, ông Tú đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là: 8.300.000đ. Cụ thể vào các ngày: Ngày 30/6/2017 trả 1.000.000đ; ngày 31/7/2017 trả 1.300.000đ; ngày 30/9/2017 trả 2.000.000đ; ngày 30/11/2017 trả 2.000.000đ; ngày 31/01/2018 trả 2.000.000đ.

Tuy nhiên hiện nay số tiền nợ gốc ông Tú phải trả cho Ngân hàng là: 21.401.662đ (gồm 14.333.201đ tiền đã rút từ tài khoản và 7.068.461đ tiền nợ lãi bị chuyển sang thành nợ gốc theo cam kết tại thỏa thuận vay)

Về số tiền lãi ông Tú phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chúng tôi là: 10.165.760đ số tiền lãi này được tính từ ngày 01/12/2018 đến ngày 27/8/2019 trong đó lãi trong hạn là 6.099.456đ; lãi quá hạn là 4.066.304đ.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Thanh Tú phải trả cho Ngân hàng số tiền: 27.447.614đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm mười bốn đồng) trong đó tiền nợ gốc là 21.401.662đ, tiền nợ lãi tính đến ngày 12/12/2018 là 6.045.952đ và đề nghị ông Tú phải thanh toán tiếp số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 13/12/2018 cho đến khi trả hết nợ vay theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm ngày 27/8/2019 (ngày xét xử) thì số tiền nợ gốc và nợ lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông Tú phải thanh toán có tăng thêm, cụ thể: Nợ gốc: 21.401.662đ ; Nợ lãi: 10.165.760đ (lãi trong hạn là 6.099.456đ, lãi quá hạn là 4.066.304đ) Tổng cộng nợ gốc và lãi mà Ngân hàng chúng tôi yêu cầu ông Tú phải thanh toán là: 31.567.382đ.

